

Số: 01 /2017/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả
dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**



UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;
Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Thông tư số 80/2011/TT-BNNPTNT ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn phương pháp xác định tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Thông tư số 20/2012/TT-BNNPTNT ngày 7 tháng 5 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về hướng dẫn trình tự thủ tục nghiệm thu thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng;
Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính ban hành cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 15/TTr-SNN-QBVPTR ngày 19 tháng 01 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 02 năm 2017 và thay thế Quyết định số 2073/2013/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2013 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quy định về chế độ quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL- Bộ Tư pháp ;
- TTr .Tỉnh ủy;
- TTr .HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo-Tin học tỉnh;
- Vnpti Office;
- Lưu : VT, chuyên viên NN, CN, KT *vs*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

**Cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ
môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01 /2017/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm
2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các hoạt động quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Các nội dung khác liên quan đến chế độ quản lý tài chính và cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2012 của liên Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tài chính ban hành cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và các quy định khác của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hộ nhận khoán là các hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ hoặc cộng đồng dân cư thôn (bản) nhận khoán bảo vệ rừng với các chủ rừng là tổ chức hoặc các tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.
2. Tổ chức chi trả cấp huyện là Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

1. Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

Tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh được sử dụng như sau:

a) Trích 10% trên tổng số tiền nhận ủy thác trong năm (bao gồm cả tiền lãi thu được từ số tiền bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng chậm trả, lãi tiền gửi từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng) để chi cho các hoạt động quản lý của Bộ máy Quỹ và chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Quỹ dự phòng đảm bảo trích 5% trên tổng số tiền nhận ủy thác trong năm (bao gồm cả tiền lãi thu được từ số tiền bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng chậm trả, lãi tiền gửi từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng) để hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được giao khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài trong trường hợp có thiên tai, khô hạn hoặc trường hợp mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên cùng một đơn vị diện tích thấp hơn từ 15% trở lên so với mức chi trả của năm trước liền kề.

c) Đối với diện tích rừng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, thì phần chi trả lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước sẽ được điều tiết cho diện tích rừng thuộc lưu vực có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng nhỏ hơn 100.000 đồng/ha/năm.

Giám đốc Quỹ căn cứ tình hình chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh hàng năm, lập phương án hỗ trợ, phương án điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng theo mục b, c khoản 1 Điều này trình Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh quyết định.

d) Số tiền còn lại trên tổng số tiền nhận ủy thác trong năm (bao gồm cả tiền lãi thu được từ số tiền bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng chậm trả, lãi tiền gửi từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng), Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng chuyển trả cho chủ rừng và Tổ chức chi trả cấp huyện thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

2. Đối với các tổ chức không phải là chủ rừng được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng (Hạt kiểm lâm kiêm Tổ chức chi trả cấp huyện) thực hiện khoán bảo vệ rừng cho hộ nhận khoán:

a) Được sử dụng tối đa 10% số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hoạt động:

- Lập hồ sơ, tài liệu, bản đồ quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng; nghiệm thu đánh giá rừng; tuyên truyền, tập huấn; hội nghị, hội thảo và các chi phí khác của đơn vị.

- Hỗ trợ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chi trả cấp xã, thị trấn, thôn; Với mức bồi dưỡng, số người, thời gian được hưởng bồi dưỡng, cụ thể như sau:

- + Mức bồi dưỡng: Tối đa 150.000 đồng/người/ngày.
- + Số người được hưởng: Cấp xã tối đa 02 người/năm, cấp thôn 01 người/năm.
- + Thời gian được hưởng bồi dưỡng: Cấp xã tối đa 04 ngày/năm, cấp thôn tối đa 03 ngày/năm.

- Hỗ trợ kinh phí cho Ban kiểm tra, giám sát cấp huyện để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

- Nội dung, mức chi hoạt động trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Riêng định mức chi cho các hoạt động nghiệp vụ lâm sinh như: lập hồ sơ, bản đồ khoán bảo vệ rừng, nghiệm thu đánh giá chất lượng rừng... được thực hiện theo định mức lâm sinh do UBND tỉnh ban hành hàng năm.

b) Số tiền còn lại (90%) chi trả toàn bộ cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng.

3. Tiền lãi ngân hàng

Hàng năm, sau khi xác định được tổng số lãi tiền gửi ngân hàng trong năm tài chính (từ ngày 01/01 đến 31/12), Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, Tổ chức chi trả cấp huyện sử dụng như sau:

a) Quỹ bảo vệ và phát triển rừng phân bổ theo tỷ lệ tương ứng 10% kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ, 5% quỹ dự phòng, số tiền lãi còn lại được phân chia cho các lưu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh và được cộng dồn vào tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng để chi trả cho các chủ rừng, hộ nhận khoán.

Giám đốc Quỹ căn cứ số tiền lãi thu được hàng năm, lập phương án phân bổ trình Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh quyết định.

b) Tổ chức chi trả cấp huyện trích 10% kinh phí hoạt động của đơn vị, số tiền lãi còn lại được phân chia cho các lưu vực có cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn huyện và được cộng dồn vào tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng để chi trả cho các hộ nhận khoán.

Thủ trưởng Tổ chức chi trả cấp huyện căn cứ số tiền lãi thu được hàng năm, lập phương án phân bổ trình UBND huyện quyết định.

Điều 5. Áp dụng hệ số K

Thống nhất áp dụng hệ số K: điều chỉnh mức chi trả dịch vụ môi trường rừng theo mục đích sử dụng rừng, gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hệ số K có giá trị bằng: 1,00 đối với rừng đặc dụng; 0,95 đối với rừng phòng hộ; 0,90 đối với rừng sản xuất. Mục đích sử dụng rừng xác định theo quy hoạch 3 loại rừng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 6. Quyết toán, kiểm tra giám sát và công khai tài chính tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Quyết toán

a) Quyết toán chi phí quản lý:

Tổ chức chi trả các huyện, thành phố, các chủ rừng là tổ chức hàng năm lập

báo cáo quyết toán chi phí quản lý gửi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thẩm tra. Việc thẩm tra được thực hiện thông qua Biên bản thẩm tra quyết toán.

- Kinh phí được quyết toán:

+ Đối với Tổ chức chi trả các huyện, thành phố chi phí theo dự toán được phê duyệt.

+ Đối với chủ rừng là tổ chức: Chi phí được quyết toán là chi phí theo dự toán được duyệt nhưng không được vượt quá 10% của tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thực nhận trong năm.

b) Quyết toán chi trả dịch vụ môi trường rừng:

Chủ rừng là các tổ chức lập báo cáo quyết toán thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng phân chi trả cho các hộ nhận khoán gửi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh. Riêng phần kinh phí chuyển thành nguồn thu của chủ rừng, chủ rừng quản lý, sử dụng và quyết toán theo quy định của Nhà nước về tài chính hiện hành áp dụng đối với từng loại hình tổ chức đó.

Tổ chức chi trả cấp huyện lập báo cáo quyết toán phân chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn gửi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thẩm tra.

Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh lập báo cáo chi phí quản lý phân chi tại Quỹ và tổng hợp chi trả toàn tỉnh (bao gồm cả chi phí quản lý và phân chi trả cho các hộ nhận khoán) trình Sở Tài chính thẩm tra, phê duyệt.

2. Kiểm tra, giám sát, công khai tài chính

- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thực hiện công khai tài chính theo qui định của pháp luật về tài chính, kế toán.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng của Quỹ cấp tỉnh. Kết quả kiểm tra gửi cho Sở Tài chính để phối hợp theo dõi, quản lý.

- Căn cứ yêu cầu của công tác quản lý, Sở Tài chính kiểm tra báo cáo tài chính của Quỹ cấp tỉnh, tổ chức chi trả cấp huyện.

- Các Tổ chức chi trả, các chủ rừng : Chịu sự kiểm tra, giám sát của chính quyền, các tổ chức và nhân dân.

Thông báo tới thôn/bản, cộng đồng, tổ chức chính trị - xã hội và công khai theo qui định về Qui chế dân chủ tại cơ sở: danh sách, số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả của các đối tượng được chi trả. Việc công khai được thực hiện theo các hình thức sau:

+ Niêm yết công khai danh sách, số tiền được chi trả, kế hoạch chi trả tại trụ sở UBND xã và cộng đồng dân cư hoặc nơi công cộng thuận lợi nhất để người dân tiện theo dõi;

+ Thông báo bằng văn bản; Thông báo trên hệ thống truyền thanh của cấp xã, thôn hoặc công bố trong các hội nghị, cuộc họp của xã, thôn.

Điều 7. Tạm ứng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ vào quyết định phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường

rừng của UBND tỉnh hàng năm; các chủ rừng, Tổ chức chi trả các huyện, thành phố lập hồ sơ gửi đề nghị xin tạm ứng gửi về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ đề nghị tạm ứng:

- Tờ trình xin tạm ứng.

- Danh sách, diện tích các chủ rừng, hộ nhận khoán bảo vệ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức tạm ứng, số lần tiền tạm ứng:

- Mức tạm ứng: Tối đa 30% tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng mà các chủ rừng, Tổ chức chi trả cấp huyện được nhận trong năm kế hoạch.

- Số lần tiền tạm ứng: 01 (một) lần trong năm kế hoạch.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ, hàng quý, chủ rừng và Hạt Kiểm lâm được giao trách nhiệm chi trả dịch vụ môi trường rừng có trách nhiệm lập báo cáo kết quả thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng gửi về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh để tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Cuối năm, Hội đồng quản lý Quỹ tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan ban hành các mẫu biểu, thủ tục hướng dẫn các chủ rừng lập hồ sơ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng, thực hiện tốt kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh đảm bảo chính xác, đúng đối tượng.

Thẩm định kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng hàng năm của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

Chỉ đạo Chi cục Lâm nghiệp chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức nghiệm thu, phúc tra nghiệm thu rừng cho các chủ rừng là tổ chức theo quy định.

Chỉ đạo Chi cục kiểm lâm giao Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố chủ trì tổ chức nghiệm thu, kiểm tra, đánh giá chất lượng rừng cho chủ rừng, hộ nhận khoán bảo vệ rừng có cung cấp dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ giao đất gắn với giao rừng, cho thuê rừng đến từng chủ rừng làm căn cứ chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng.

3. Sở Tài chính

Chỉ đạo, hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh sử dụng nguồn tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012, Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thẩm định dự toán các Dự án, Đề án liên quan đến Quỹ bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Chủ trì hướng dẫn các chủ rừng là tổ chức nhà nước hạch toán, quyết toán tiền chi trả tiền DVMTR là nguồn thu của đơn vị.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn, chỉ đạo Quỹ bảo vệ và phát triển rừng lập kế hoạch thu, chi tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện cùng kỳ với việc lập kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Sở Công thương

Phối hợp với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng rà soát, đối chiếu sản lượng điện các Nhà máy thủy điện và cung cấp thông tin (công suất nhà máy, địa điểm đập ngăn nước, thời gian đi vào hoạt động...) để bổ sung những Nhà máy thủy điện mới đi vào hoạt động phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

6. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh

Lập kế hoạch chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; tổng hợp kết quả thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng toàn tỉnh hàng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Tham mưu đề xuất Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Giang định mức tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của các lưu vực của từng năm kế hoạch.

Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng quy định tại Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, tổ kỹ thuật của huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đảm bảo đúng đối tượng, định mức theo kế hoạch.

Phê duyệt Phương án sử dụng kinh phí quản lý bảo vệ rừng từ nguồn thu tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các tổ chức không phải là chủ rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, làm cơ sở chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

Chỉ đạo Cơ quan đầu mối thực hiện chi trả cấp huyện hướng dẫn các chủ rừng, hộ nhận khoán là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn; UBND cấp xã có diện tích rừng cung cấp dịch vụ môi trường rừng xây dựng phương án, hồ sơ đề nghị chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định; phối hợp với Ban quản lý rừng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả cung ứng dịch vụ môi trường rừng của

các chủ rừng, hộ nhận khoán; xây dựng Kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng chung của huyện gửi Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.

Trên đây là Quy định cơ chế quản lý, sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các ngành, các địa phương có văn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

HÀ GIANG